

ĐIỀU LỆ
HỘI DOANH NHÂN TRẺ TỈNH TÂY NINH

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND, ngàytháng năm 2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Doanh nhân trẻ tỉnh Tây Ninh.
2. Tên tiếng nước ngoài: Tay Ninh Young Businessman Assosiation.
3. Tên viết tắt: YBA Tây Ninh.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Doanh nhân trẻ tỉnh Tây Ninh (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội – nghề nghiệp tự nguyện của các doanh nghiệp, doanh nhân trẻ; tự nguyện thành lập, nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, liên kết, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội Doanh nhân trẻ tỉnh Tây Ninh có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản ngân hàng và biểu trưng (logo) nhận diện riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trụ sở của Hội đặt tại: số 207, đường 30/4, phường 2, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Điện thoại: 0898.777.099.
- Email: vanphong@doanhnhantre.org.
- Website: www.doanhnhantre.org.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh Tây Ninh và có thể mở rộng phạm vi hoạt động cả nước. Các doanh nghiệp, doanh nhân có trụ sở ở tỉnh, thành khác trong cả nước nếu có nhu cầu tự nguyện gia nhập, có thể được xem xét kết nạp vào Hội.

2. Hội hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, theo Điều lệ Hội. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh, theo chủ trương, định hướng hoạt động của Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam (thông qua đại diện là UV.UBCH Hội DNT Việt Nam) và là thành viên tập thể của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh Tây Ninh.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự đảm bảo kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, đào tạo nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở Hội phí hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với Nhiệm vụ của Nhà nước giao.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện cho hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

Hội viên của Hội bao gồm: Hội viên chính thức và hội viên danh dự:

1. Hội viên chính thức: Là công dân Việt Nam từ đủ 18 đến 55 tuổi, đang là thành viên Ban lãnh đạo, đại diện cho doanh nghiệp hoặc tổ chức kinh tế được thành lập và đăng ký hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội đều có thể được xét kết nạp làm hội viên. Ưu tiên, khuyến khích Doanh nhân trên 55 tuổi có tâm huyết với tổ chức Hội tham gia Hội với danh vị “Hội viên Vàng”. Các tổ chức được thành lập hợp pháp khác có thể tham gia Hội với tư cách Hội viên tập thể.

2. Hội viên danh dự:

- Là các doanh nhân xuất sắc trong và ngoài nước, các cá nhân tiêu biểu của các ngành, các giới có uy tín xã hội và nhiệt tình đóng góp xây dựng Hội có thể được mời làm hội viên danh dự của Hội.

- Hội viên danh dự được tham gia các hoạt động của Hội nhưng không tham gia ứng cử, đề cử vào cơ quan lãnh đạo Hội và không tham gia biểu quyết các nghị quyết của Hội.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.
2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.
3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.
4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban kiểm tra, Ban Cố vấn Hội theo tiêu chuẩn và quy định của Điều lệ Hội.
5. Được giới thiệu hội viên mới.
6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.
7. Được cấp giấy Chứng nhận Hội viên.
8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục làm hội viên.
9. Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Lãnh đạo, Ban Cố vấn và Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.
2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.
3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được Lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.
4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.
5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định của Hội (nếu có).

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI

Điều 11. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường trực.
4. Ban Cố vấn.
5. Ban Kiểm tra.
6. Văn phòng, các ban chuyên môn.

Điều 12. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 04 (bốn) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội

a. Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b. Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sát nhập, hợp nhất, giải thể Hội;

c. Thảo luận, góp ý kiến và Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;

d. Bầu Ban Chấp hành, Ban Cố vấn và Ban Kiểm tra;

e. Thông qua nghị quyết Đại hội;

f. Các nội dung khác (nếu có);

g. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội;

h. Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

i. Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải vượt quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 13. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a. Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b. Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c. Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d. Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

e. Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Chấp hành, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a. Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b. Ban Chấp hành họp mỗi tháng 01 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường trực hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c. Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có 1/2 ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d. Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

e. Các thành viên Ban chấp hành sẽ được lấy phiếu tín nhiệm mỗi 03 tháng/lần. Quy chế về lấy phiếu tín nhiệm sẽ do Ban Chấp hành thống nhất thông qua.

Điều 14. Ban Thường trực Hội

1. Ban Thường trực Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường trực Hội gồm: Chủ tịch và các Phó Chủ tịch. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường trực do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường trực cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường trực:

a. Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b. Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c. Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội;

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường trực;

a. Ban Thường trực hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b. Ban Thường trực mỗi tháng họp 01 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Thường trực;

c. Các cuộc họp của Ban Thường trực là họp lệ khi có 1/2 ủy viên Ban Thường trực tham gia dự họp. Ban Thường trực có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường trực quyết định;

d. Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường trực được thông qua khi có trên 1/2 tổng số ủy viên Ban Thường trực dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Cố vấn

Ban Chấp hành Hội mời các lãnh đạo Hội qua các thời kỳ, các Hội viên Vàng, lãnh đạo sở, ngành, các chuyên gia về kinh tế - xã hội, quản lý điều hành doanh nghiệp có tâm huyết, nhiệt tình đóng góp ý kiến cho hoạt động của Hội Doanh nhân trẻ tỉnh Tây Ninh phát triển tham gia vào Ban Cố vấn của Hội. Ban Cố vấn gồm Trưởng ban, các Phó Trưởng ban và các ủy viên có trách nhiệm tư vấn và hỗ trợ cho Ban Thường trực, Ban Chấp hành Hội trong quá trình xây dựng tổ chức các chương trình hoạt động hỗ trợ và phát triển hội viên. Ban Cố vấn được mời dự Đại hội và các cuộc họp quan trọng.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b. Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội;

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội, Chủ tịch danh dự.

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội;

b. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội;

c. Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường trực;

d. Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường trực ký các văn bản của Hội;

e. Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Thường trực Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

4. Chủ tịch danh dự:

Hội có thể mời một lãnh đạo chính quyền, có tâm huyết và nhiệt tình xây dựng, phát triển đội ngũ các doanh nhân trẻ làm Chủ tịch danh dự của Hội.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 18. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về Hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 19. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội

a. Nguồn thu của Hội:

- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);
- Hội phí hàng năm của hội viên;
- Các khoản thu hợp pháp khác.

b. Các khoản chi của Hội

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 20. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 21. Khen thưởng

1. Cá nhân, tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 22. Kỷ luật

1. Tổ chức, hội viên vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, Nghị quyết, quy định, quy chế hoạt động của Hội tùy theo mức độ sai phạm có thể bị xử lý bằng một trong các hình thức kỷ luật:

a. Với tập thể: Ban Chấp hành Hội xem xét khiển trách, cảnh cáo hoặc giải thể đối với đơn vị trực thuộc. Việc giải thể đơn vị trực thuộc được thực hiện theo quy định của pháp luật;

b. Với cá nhân: Khiển trách, cảnh cáo, bãi miễn chức vụ. Ban Chấp hành Hội quyết định việc xóa bỏ tư cách hội viên, buộc phải bồi thường thiệt hại (nếu có) và thông báo chính thức trong kỳ hội nghị toàn thể hội viên gần nhất.

2. Hội viên không tham gia sinh hoạt hoặc không đóng hội phí trong thời gian một năm (01 năm) sẽ bị xóa tên khỏi danh sách thành viên Hội.

3. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Doanh nhân trẻ tỉnh Tây Ninh mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ của Hội Doanh nhân trẻ tỉnh Tây Ninh gồm 08 Chương, 24 Điều đã được Đại hội đại biểu lần thứ V, nhiệm kỳ 2023-2027 thông qua ngày 17 tháng 11

năm 2023 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Doanh nhân trẻ tỉnh Tây Ninh có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này.